

HOÀN THIỆN QUI ĐỊNH VỀ CHẾ TÀI ĐỐI VỚI CÁC TỘI PHẠM CỤ THỂ

Cao Thị Oanh*

Chế tài được qui định đối với các tội phạm cụ thể là nơi thể hiện tập trung nhất đường lối xử lý của Nhà nước đối với các hành vi phạm tội. Có thể khẳng định rằng, trong hoạt động áp dụng pháp luật hình sự, những qui định này giữ vai trò trực tiếp tác động đến “liều lượng” trách nhiệm hình sự (TNHS) được áp dụng đối với người phạm tội cụ thể. Do đó, qui định hợp lí chế tài đối với các tội phạm cụ thể chính là một yêu cầu của hoạt động đấu tranh phòng, chống tội phạm.

Mặc dù hệ thống chế tài trong Bộ luật Hình sự (BLHS) năm 1999 đã có những thay đổi đáng kể so với BLHS năm 1985 nhưng thực tiễn hoạt động xét xử cho thấy vẫn có sự chênh lệch quá lớn trong việc áp dụng hình phạt tù và những loại hình phạt nhẹ hơn phạt tù, nhất là đối với các tội phạm về kinh tế, các tội phạm về chức vụ và các tội phạm xâm phạm hoạt động tư pháp, đối với những người phạm tội ít nguy hiểm, đối với những người đồng phạm khác v.v.¹. Hiện tượng này cho thấy các hình phạt nhẹ hơn hình phạt tù chưa phát huy hết hiệu quả trong đấu tranh phòng, chống tội phạm mà một trong các nguyên nhân có thể là do BLHS qui định không hợp lí về chúng tại các chế tài đối với các tội phạm cụ thể. Yêu cầu hoàn thiện các qui định về chế tài cũng được thể hiện rõ tại Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02 tháng 6 năm 2005 của Bộ Chính trị về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020 với tinh thần “*giảm bớt khung hình phạt tối đa quá cao trong một số loại tội phạm*”.

Có thể khẳng định rằng hệ thống chế tài thuộc Phần Các tội phạm chỉ có thể là cơ sở pháp lí phù hợp cho thực tiễn áp dụng pháp luật khi chúng đáp ứng cả hai yêu cầu là: hình phạt phải tương xứng với tính nguy hiểm cho xã hội của tội phạm và khung hình phạt có khoảng cách giữa mức tối thiểu và mức tối đa hợp lí.

Kết quả nghiên cứu cho thấy BLHS năm 1999 chưa đáp ứng được đầy đủ những yêu cầu này.

Trước hết, trong một số trường hợp chế tài được qui định vẫn chưa phản ánh đúng tính nguy hiểm cho xã hội của tội phạm. Một số chế tài được qui định đối với các tội có tính nguy hiểm cho xã hội cao hơn lại thấp hơn so với chế tài được qui định đối với các tội có tính nguy hiểm cho xã hội thấp hơn. Ví dụ: hình phạt được qui định tại khoản 1 Điều 98 đối với tội vô ý làm chết người là từ 6 tháng đến 5 năm trong khi hình phạt được qui định tại khoản 1 Điều 95 đối với tội giết người trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh chỉ là phạt tù từ 6 tháng đến 3 năm. Theo khoản 2 Điều 98 người phạm tội bị phạt tù từ 3 năm đến 10 năm trong khi đó theo khoản 2 Điều 95 người phạm tội bị phạt tù từ 3 năm đến 7 năm. Giữa hai tội này, hành vi giết người trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh có tính nguy hiểm cho xã hội cao hơn hành vi vô ý làm chết người nhưng hình phạt được qui định ở cả hai khung hình phạt đều nhẹ hơn. Tình trạng tương tự cũng được thể hiện tại qui định về tội cưỡng đoạt tài sản và tội công nhiên chiếm đoạt tài sản. Với tính nguy hiểm cho xã hội cao hơn so với tội công nhiên chiếm đoạt tài sản, hình phạt được qui định đối với tội cưỡng đoạt tài sản mang tính nghiêm khắc hơn (khung hình phạt ở khoản 1 của tội này là phạt tù từ 1 năm đến 5 năm trong khi

* ThS. Luật học, Trường Đại học Luật Hà Nội

¹ Nguyễn Sơn (2002), *Các hình phạt chính trong Luật hình sự Việt Nam*, Luận án Tiến sĩ Luật học, Viện Nhà nước và Pháp luật, Hà Nội, tr. 84.

hình phạt ở khoản 1 của tội công nhiên chiếm đoạt tài sản là phạt tù từ 6 tháng đến 3 năm). Tuy nhiên, điều bất hợp lý lại được thể hiện tại khoản 4 của hai điều luật này khi hình phạt được qui định đối với hành vi cưỡng đoạt tài sản là phạt tù từ 12 đến 20 năm trong khi đối với hành vi công nhiên chiếm đoạt tài sản lại là phạt tù từ 12 đến 20 năm hoặc tù chung thân. *"Rõ ràng, các qui định như vậy là bất hợp lý nếu nhìn từ thái độ tâm lý của người phạm tội đối với hành vi và đối với hậu quả do hành vi mình gây ra"*². Hình phạt qui định đối với các tội phạm nêu trên cần được điều chỉnh lại để đảm bảo tương xứng với tính nguy hiểm cho xã hội của tội phạm. Các chế tài này cần được qui định lại theo hướng hình phạt đối với tội vô ý phải nhẹ hơn so với hình phạt đối với tội cố ý có các dấu hiệu khác tương ứng, tội phạm nguy hiểm hơn cần được qui định hình phạt nghiêm khắc hơn.

Bên cạnh đó, mặc dù mức độ nguy hiểm cho xã hội của các trường hợp phạm tội rất đa dạng nhưng BLHS hiện hành vẫn quá chú trọng đến việc sử dụng hình phạt tù có thời hạn. Trừ 6 chế tài chỉ qui định các hình phạt nhẹ hơn hình phạt tù, các chế tài còn lại đều qui định hình phạt tù có thời hạn. Cách qui định này chính là một nguyên nhân dẫn đến việc lạm dụng loại hình phạt này trong những trường hợp hoàn toàn có thể sử dụng các hình phạt khác trong thực tiễn. Ngoài ra, hình phạt tử hình là loại hình phạt chỉ nên được qui định và áp dụng trong những trường hợp rất đặc biệt lại vẫn có mặt trong nhiều khung hình phạt không cần thiết. Vì vậy, hệ thống chế tài cần được điều chỉnh theo hướng mở rộng khả năng áp dụng các hình phạt nhẹ hơn hình phạt tù và qui định thêm các chế tài lựa chọn giữa các hình phạt này trong những trường hợp mức độ nghiêm trọng của tội phạm cho phép. Theo chúng tôi những tội phạm có thể xem xét để chế tài chỉ lựa chọn giữa những hình phạt nhẹ hơn hình phạt tù là: tội xâm phạm bí mật hoặc an toàn

thư tín, điện thoại, điện tín của người khác (khoản 1 Điều 125); tội xâm phạm quyền bầu cử, quyền ứng cử của công dân (khoản 1 Điều 126); tội buộc người lao động, cán bộ công chức thôi việc trái pháp luật (Điều 128); tội xâm phạm quyền hội họp, lập hội, quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của công dân (Điều 129); tội xâm phạm quyền bình đẳng của phụ nữ (Điều 130); tội vi phạm các qui định về xuất bản, phát hành sách báo, đĩa âm thanh, băng âm thanh, đĩa hình, băng hình hoặc các ấn phẩm khác (Điều 271). Các tội có thể xem xét để qui định hình phạt tiền là hình phạt chính như: tội vi phạm qui định về an toàn lao động, vệ sinh lao động, về an toàn ở những nơi đông người (Điều 227), tội vi phạm qui định về an toàn thực phẩm (Điều 244), tội giả mạo chức vụ, cấp bậc (Điều 265), tội vi phạm các qui định về quản lý nhà ở (Điều 270)...

Liên quan đến việc mở rộng phạm vi áp dụng các hình phạt nhẹ hơn hình phạt tù, có tác giả cho rằng một trong những hạn chế của BLHS năm 1999 là: *"Có một số tội có lỗi vô ý song nhà làm luật chỉ qui định một hình phạt chính là hình phạt tù. Chẳng hạn tại Điều 218 tội đưa vào sử dụng phương tiện giao thông đường không không bảo đảm an toàn. Qui định như vậy chưa đảm bảo phân hóa TNHS và cá thể hóa hình phạt đối với người phạm tội"*³. Chúng tôi ủng hộ quan điểm này và cho rằng đối với các tội được thực hiện với lỗi vô ý (trừ tội vô ý làm chết người) cần qui định chế tài lựa chọn giữa hình phạt tù với các hình phạt nhẹ hơn như phạt tiền, cải tạo không giam giữ. Riêng đối với tội vô ý làm chết người, xuất phát từ tính nguy hiểm cho xã hội cao hơn so với các tội khác nên chế tài lại cần được qui định chỉ là hình phạt tù có thời hạn như hiện nay.

Đặc biệt, trong điều kiện hiện nay, chúng tôi cho rằng, một số tội phạm không còn nguy hiểm cho xã hội đến mức cần qui

² Hồ Sỹ Sơn (2007), *Nguyên tắc nhân đạo trong Luật hình sự Việt Nam*, Luận án Tiến sĩ Luật học, Viện Nhà nước và Pháp luật, Hà Nội, tr.142.

³ Hồ Sỹ Sơn (2007), *Nguyên tắc nhân đạo trong Luật hình sự Việt Nam*, Luận án Tiến sĩ Luật học, Viện Nhà nước và Pháp luật, Hà Nội, tr.142.

định hình phạt cao nhất là tử hình nữa. Các tội phạm này bao gồm: tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản (Điều 139); tội buôn lậu (Điều 153); tội sản xuất, buôn bán hàng giả là lương thực, thực phẩm, thuốc chữa bệnh, thuốc phòng bệnh (Điều 157); tội làm, tàng trữ, vận chuyển, lưu hành tiền giả, ngân phiếu giả, công trái giả (Điều 180); tội tham ô tài sản (Điều 278); tội nhận hối lộ (Điều 279) và tội đưa hối lộ (Điều 289). Có thể thấy rõ rằng hiện nay nền kinh tế của nước ta ngày càng ổn định và vững mạnh, năng lực quản lý nhà nước được nâng cao, hệ thống pháp luật không ngừng được hoàn thiện, là những yếu tố làm cho tội phạm không thể gây nguy hiểm cho xã hội ở mức độ cao như

trước kia nữa. Mặt khác, nếu xét theo các đặc điểm nhân thân của người phạm tội thì những người thực hiện các tội phạm này vẫn còn khả năng giáo dục. Vì vậy, hình phạt tối đa được qui định trong chế tài là hình phạt chung thân cũng đủ nghiêm khắc để xử lý các loại tội phạm này.

Bên cạnh đó, mặc dù BLHS hiện hành đã tiến hành điều chỉnh lại độ rộng của nhiều khung hình phạt so với BLHS năm 1985 nhưng vẫn có nhiều khung hình phạt có khoảng cách giữa mức tối thiểu và mức tối đa quá lớn. Khảng định này được thể hiện rõ qua những số liệu sau đây:

Bảng 1. Thống kê khung hình phạt qui định hình phạt tù chung thân, tử hình trong BLHS năm 1999

STT	Khung hình phạt	Số lượng
01.	Phạt tù 20 năm, tù chung thân hoặc tử hình	12
02.	Phạt tù từ 18 năm đến 20 năm, tù chung thân hoặc tử hình	1
03.	Phạt tù từ 12 năm đến 20 năm, tù chung thân hoặc tử hình	13
04.	Phạt tù từ 10 năm đến 20 năm, tù chung thân hoặc tử hình	4
05.	Phạt tù 20 năm hoặc tù chung thân	7
06.	Phạt tù từ 15 năm đến 20 năm hoặc chung thân	6
07.	Phạt tù từ 12 năm đến 20 năm hoặc tù chung thân	9
08.	Phạt tù từ 10 năm đến 20 năm hoặc tù chung thân	5

Bảng 2. Thống kê các khung hình phạt chỉ qui định loại hình phạt tù có thời hạn có mức tối đa từ 10 năm trở lên của BLHS năm 1999

STT	Khung hình phạt	Khoảng cách giữa mức tối thiểu và tối đa (năm)	BLHS năm 1999
1.	Phạt tù từ 5 năm đến 20 năm	15	1
2.	Phạt tù từ 7 năm đến 20 năm	13	1
3.	Phạt tù từ 8 năm đến 20 năm	12	1
4.	Phạt tù từ 7 năm đến 18 năm	11	1
5.	Phạt tù từ 10 năm đến 20 năm, từ 5 năm đến 15 năm hoặc từ 2 năm đến 12 năm	10	24

6.	Phạt tù từ 3 năm đến 12 năm	9	6
7.	Phạt tù từ 10 năm đến 18 năm, từ 7 năm đến 15 năm hoặc từ 2 năm đến 10 năm	8	62
8.	Phạt tù từ 13 năm đến 20 năm, từ 6 năm đến 13 năm, từ 5 năm đến 12 năm hoặc từ 3 năm đến 10 năm	7	86
9.	Phạt tù từ 15 năm đến 20 năm, từ 10 năm đến 15 năm, 7 năm đến 12 năm hoặc từ 5 năm đến 10 năm	5	38

Hai bảng thống kê trên cho thấy, nhiều khung hình phạt đang được BLHS hiện hành qui định có khoảng cách giữa mức tối thiểu và mức tối đa khá rộng. Những khung hình phạt này hoàn toàn có thể dẫn đến tình trạng tại các bản án khác nhau những người thực hiện hành vi phạm tội có tính nguy hiểm tương đương nhau lại bị áp dụng các mức chế tài khác nhau đáng kể. Trong các khung hình phạt được thống kê tại bảng 1, chúng tôi cho rằng những khung hình phạt cần được điều chỉnh là: phạt tù từ 10 năm đến 20 năm, tù chung thân hoặc tử hình được qui định tại 4 cấu thành tội phạm (chiếm 0,59%); phạt tù từ 12 năm đến 20 năm, tù chung thân hoặc tử hình được qui định tại 13 cấu thành tội phạm (chiếm 1,92%); loại khung hình phạt qui định phạt tù từ 10 năm đến 20 năm hoặc tù chung thân được qui định tại 5 cấu thành tội phạm (chiếm 0,73%). Trong các khung hình phạt được qui định tại bảng 2, những khung hình phạt cần được điều chỉnh là những khung hình phạt có khoảng cách giữa mức tối thiểu và mức tối đa là 15 năm tù (được qui định tại 1 khung hình phạt, chiếm 0,14%), 13 năm (được qui định tại 1 khung hình phạt, chiếm 0,14%), 12 năm (được qui định tại 1 khung hình phạt, chiếm 0,14%) và 10 năm (được qui định tại 24 khung hình phạt, chiếm 3,55%).

Cần phải khẳng định rằng khung hình phạt có độ rộng hợp lý tạo thuận lợi cho người áp dụng pháp luật trong việc xác định loại và mức hình phạt cụ thể để áp dụng đối với người phạm tội. Đây là loại chế tài kết hợp tốt trong khung hình phạt tính xác định và tính tùy nghi. Trong trường hợp tính

xác định quá lớn sẽ dẫn đến tình trạng khung hình phạt được qui định quá hẹp, chúng là cơ sở để tránh được sự tùy tiện của người áp dụng luật nhưng đồng thời cũng bó tay họ trước những tình huống đa dạng về tính nguy hiểm cho xã hội của tội phạm. Ngược lại, nếu tính tùy nghi của khung hình phạt quá được chú trọng sẽ dẫn đến hiện tượng khung hình phạt quá rộng. Trái ngược với loại chế tài trên, loại chế tài này lại dễ dẫn đến sự tùy tiện, không thống nhất khi quyết định hình phạt đối với người phạm tội. Cả hai thái cực trên đều tạo ra những bất cập trong thực tiễn áp dụng pháp luật, làm hạn chế hiệu quả của việc xử lý người phạm tội.

Hệ thống chế tài hoàn thiện là hệ thống chế tài tạo cho Tòa án điều kiện cá thể hóa hình phạt với việc cân nhắc tất cả các khả năng có thể có của việc thực hiện tội phạm trong hiện thực khách quan⁴. Vì vậy, hệ thống chế tài đó phải được tạo thành bằng những khung hình phạt có độ rộng hợp lý nhằm tránh những hạn chế và phát huy những ưu điểm nêu trên.

Từ những phân tích trên, chúng tôi cho rằng, BLHS không nên qui định những khung hình phạt có khoảng cách giữa mức tối thiểu và mức tối đa từ 10 năm tù trở lên. Đối với những khung hình phạt qui định hình phạt nghiêm khắc nhất là tù có thời hạn thì khoảng cách giữa mức tối thiểu và mức tối đa của loại

(Xem tiếp trang 72)

⁴ Đào Trí Úc (2000), *Luật hình sự Việt Nam - Quyển 1 - Những vấn đề chung*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, tr.312-313.

tuyên án. Chỉ có một điểm khác biệt duy nhất so với phiên tòa thông thường là kiểm sát viên không đọc Bản Cáo trạng mà đọc Quyết định truy tố bị cáo trước tòa.

Việc ban hành các quyết định, bản án tại phiên tòa sơ thẩm được thông qua tại phòng nghị án và thực hiện theo các quy định chung của BLTTHS 2003.

Như vậy, so với thủ tục xét xử các vụ án thông thường thì xét xử các vụ án rút gọn chỉ khác về thời gian chuẩn bị xét xử, thời gian mở phiên tòa và kéo theo đó là thời hạn tạm giam. Tại phiên tòa, kiểm sát viên đọc Quyết định truy tố. *Do đó, qua thực tiễn có ý kiến cho rằng cần nghiên cứu để giản lược hơn nữa thủ tục xét xử các vụ án rút gọn như: chỉ cần 01 Thẩm phán mà không cần phải có 02 Hội thẩm nhân dân như thủ tục chung; điều*

này có nghĩa không cần phải nghị án và nội dung bản án cũng cần giản lược giống nội dung Quyết định đề nghị truy tố của Cơ quan điều tra và Quyết định truy tố của Viện kiểm sát... Chúng tôi thấy vấn đề này có rất nhiều điểm hợp lý cần được nghiên cứu và xem xét trong quá trình sửa đổi BLTTHS trong thời gian tới.

Từ những phân tích, đánh giá thực trạng và những khó khăn vướng mắc trong thực tiễn điều tra, truy tố, xét xử theo thủ tục rút gọn cho thấy vấn đề này đặt ra rất nhiều yêu cầu cần được nghiên cứu một cách đầy đủ và toàn diện cả về phương diện lý luận và thực tiễn để thủ tục rút gọn trong tố tụng hình sự ngày càng được hoàn thiện và thực sự phát huy tác dụng trong thực tiễn đấu tranh phòng chống tội phạm ở nước ta.

(Tiếp theo trang 62- Hoàn thiện quy định về chế tài...)

hình phạt này nên dao động ở khoảng từ 5 năm đến 9 năm. Ngoài ra, hình phạt tù chung thân và hình phạt tử hình là những hình phạt đặc biệt có tính nghiêm khắc rất cao, vì vậy, việc qui định hình phạt tù có thời hạn với mức tối thiểu là 10 năm hoặc 12 năm như nhiều khung hình phạt trong BLHS hiện hành (31 khung hình phạt) là không hợp lý. Về vấn đề này, chúng tôi đồng tình với quan điểm cho rằng chỉ nên qui định loại hình phạt tù chung thân và hình phạt tử hình trong các khung hình phạt có mức hình phạt thấp nhất của khung là từ 15 năm tù trở lên². Cách qui định này sẽ làm giảm khoảng cách quá lớn giữa những loại hình phạt có tính cưỡng chế rất khác nhau là tù có thời hạn, tù chung thân và tử hình. Tuy nhiên, những kiến nghị về việc điều chỉnh khung hình phạt như trên của chúng tôi không đồng nghĩa với việc thu hẹp khung hình phạt đến mức làm ảnh hưởng đến khả năng cá thể hóa hình phạt trong thực tiễn. Vì vậy, chúng tôi không đồng tình với ý kiến cho rằng nên tách hình phạt tù chung thân và

hình phạt tử hình để qui định thành khung hình phạt độc lập, không qui định chung những hình phạt này với hình phạt tù có thời hạn. Rõ ràng, đây là hai loại hình phạt đặc biệt mà xuất phát từ nhiều lí do khác nhau chúng chỉ nên được áp dụng trong những trường hợp cần thiết. Nếu chỉ qui định hai loại hình phạt này trong sự lựa chọn với nhau thì cấu thành tội phạm được xây dựng sẽ phải vừa rất cụ thể để tránh bị lạm dụng, vừa rất hẹp để phù hợp với tinh thần cải cách tư pháp. Khung hình phạt như vậy vừa không đáp ứng yêu cầu về tính khoa học và tính hợp lí.

Việc xây dựng và hoàn thiện các qui định về khung hình phạt của tội phạm theo hướng phù hợp với tính nguy hiểm của tội phạm và có khoảng cách giữa mức tối thiểu và mức tối đa hợp lý như phân tích ở trên chắc chắn sẽ tạo ra cơ sở pháp lí phù hợp để cơ quan áp dụng luật có thể quyết định loại và mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của tội phạm và nhân thân người phạm tội, hạn chế được tình trạng lạm dụng các loại hình phạt có tính cưỡng chế cao trong khi nếu áp dụng các hình phạt nhẹ hơn vẫn có thể đạt được mục đích cần thiết.

² Trương Minh Mạnh (2003). *Phân loại tội phạm theo Luật hình sự Việt Nam*. Luận án Tiến sĩ Luật học. Viện Nhà nước và Pháp luật, Hà Nội, tr.139